

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST

Ngày: 12-02-2019

V/v: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05A/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 10 năm 2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị P1, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Hoàng V, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đinh Thị Bé M trình bày:

Ngày 20/11/2015, bà Nguyễn Thị P có cho bà Lê Thị P1 vay số tiền là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay là 12 (mười hai)

tháng kể từ ngày 20/11/2015 đến ngày 20/11/2016, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng; mục đích vay chi tiêu sinh hoạt trong gia đình; bà Lê Thị P1 có ký tên vào Giấy nợ - Giấy cam kết; sau khi nhận tiền bà Lê Thị P1 thực hiện không đúng cam kết. Đến thời hạn trả nợ vay, bà Nguyễn Thị P nhiều lần yêu cầu bà Lê Thị P1 trả tiền vốn và lãi nhưng bà Lê Thị P1 không thực hiện. Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Lê Thị P1 trả số tiền là 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/11/2016 đến ngày 22/7/2018 theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn Lê Thị P1 để tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng bà Lê Thị P1 vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của bà Lê Thị P1 và không tiến hành hòa giải được.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hoàng V trình bày:

Ông và bà Lê Thị P1 sống chung từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước đây, ông không biết việc bà Lê Thị P1 có vay tiền của bà Nguyễn Thị P. Sau khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập mời tham gia phiên họp tại Tòa án, ông có hỏi bà Lê Thị P1 thì bà Lê Thị P1 cho ông biết là có vay của bà Nguyễn Thị P. Do bà Lê Thị P1 không có khả năng đóng lãi nên bà Nguyễn Thị P cộng vốn và lãi lại thành số tiền nêu trên. Ông không biết bà Lê Thị P1 vay của bà Nguyễn Thị P bao nhiêu tiền và vay khi nào. Ông cũng không biết bà Lê Thị P1 vay của bà Nguyễn Thị P để nhằm mục đích gì. Từ trước đến nay bà Nguyễn Thị P không có yêu cầu ông trả nợ gì hết. Giấy nợ mà bà Nguyễn Thị P cung cấp cho Tòa án thì ông không có ký tên hay thỏa thuận vay tiền của bà Nguyễn Thị P. Nay bà Nguyễn Thị Phương yêu cầu ông có trách nhiệm liên đới với bà Lê Thị P1 trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền là 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng và tiền lãi thì ông không đồng ý. Ông không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này nên ông không có yêu cầu hay ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bà Lê Thị P1 trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vốn vay là 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20/11/2016 đến ngày 22/7/2018.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu ông Đỗ Hoàng V có trách nhiệm liên đới cùng bà Lê Thị P1 trả nợ cho bà Nguyễn Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị P khởi kiện bà Lê Thị P1. Hiện nay, bà Lê Thị P1, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bà Lê Thị P1 là bị đơn và ông Đỗ Hoàng V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị P1 và ông Đỗ Hoàng V.

- Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đinh Thị Bé M rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Đỗ Hoàng V là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2018 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đinh Thị Bé M yêu cầu bà Lê Thị P1 trả số tiền là 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/11/2016 đến ngày 22/7/2018 theo quy định của pháp luật của “Giấy nợ - Giấy cam kết ngày 20 tháng 11 năm 2015”, yêu cầu của bà Nguyễn Thị P1 là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 20/11/2015, bà Lê Thị P1 có vay tiền của bà Nguyễn Thị P với số tiền là 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng, việc lập hợp đồng vay tài sản hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị P và bà Lê Thị P1 là có thật và hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Lê Thị P1 trả số tiền là 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/11/2016 đến ngày 22/7/2018 theo quy định của pháp luật.

[4.1] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ lời trình bày của bà Nguyễn Thị P và “Giấy nợ - Giấy cam kết ngày 20 tháng 11 năm 2015” có chữ ký và họ tên của bà Lê Thị P1 nên có cơ sở xác định bà Lê Thị P1 đã vay của bà Nguyễn Thị P số tiền là 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng. Tại Biên bản hòa giải ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thì ông Đỗ Hoàng V có lời trình bày là bà Lê Thị P1 cho ông biết có vay của bà Nguyễn Thị P. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà Lê Thị P1 nhưng bà Lê Thị P1 đều không đến, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị P nên

mặc nhiên thừa nhận số tiền nợ của bà Nguyễn Thị P và phải chịu hậu quả bất lợi đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị P. Do đó, có đủ cơ sở buộc bà Lê Thị P1 phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vay là 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị P về tiền lãi đối với số tiền vay là 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 20/11/2016 đến ngày 22/7/2018. Tại “Giấy nợ - Giấy cam kết ngày 20/11/2015” thì bà Nguyễn Thị P và bà Lê Thị P1 có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Trường hợp các bên có thỏa thuận việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định là 20%/năm tức là 10%/năm tương đương là 0,83%/tháng. Do đó, yêu cầu tiền lãi của bà Nguyễn Thị P tính từ ngày 20/11/2016 đến ngày 22/7/2018 là: 150.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 20 tháng = 24.900.000 (*hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn*) đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bà Lê Thị P1 trả số tiền là 174.900.000 (*một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm nghìn*) đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng và tiền lãi là 24.900.000 (*hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn*) đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị P1 phải chịu là: 174.900.000 đồng x 5% = 8.745.000 (*tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng.

[6] Tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Đỗ Hoàng V.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Lê Thị P1.

Buộc bà Lê Thị P1 trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền là 174.900.000 (*một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Lê Thị P1 phải nộp là 8.745.000 (*tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị P là 4.950.000 (*bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0019801 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn